

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KINH TẾ QUỐC TẾ
(UNDERGRADUATE CURRICULUM FOR INTERNATIONAL ECONOMICS
MAJOR)

*(Ban hành theo Quyết định số 562/QĐ-HVCSPT ngày 16 tháng 7 năm 2019
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)*

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	ĐẠI HỌC
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO:	7310106
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO :	CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH:	THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ LOGISTICS

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Đào tạo cử nhân đại học ngành Kinh tế quốc tế chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, quản lý và kiến thức chuyên môn về kinh tế quốc tế, nắm vững kiến thức cơ bản về quản lý và kinh tế học hiện đại; có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có khả năng tư duy độc lập và năng lực tự tìm kiếm, bổ sung kiến thức theo yêu cầu của công việc:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, chính sách công, pháp luật và nhà nước cũng như khả năng phân tích, đánh giá và nhìn nhận các vấn đề cơ bản đó trong bối cảnh thực tiễn Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

Trang bị cho người học kiến thức nền tảng cơ bản và các kiến thức chuyên môn về kinh tế thế giới, các chủ thể tham gia vào hoạt động kinh tế quốc tế, thấy được vai trò và tầm quan trọng của các chủ thể này trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay;

Trang bị cho người học hệ thống kiến thức chuyên môn sâu về sự tác động qua lại lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia; phân tích cơ sở và lợi ích của các quan hệ kinh tế quốc tế, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, thị trường quốc tế, tài chính quốc tế, luật kinh tế quốc tế và những chính sách định hướng cho các quan hệ đó; nghiên cứu các hình thức và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến việc hoạch định chính sách Thương mại quốc tế và Logistics của các quốc gia.

Trang bị các công cụ toán học, thống kê kinh tế, phương pháp luận, ngoại ngữ để người học có thể hiểu, phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế nói chung và kinh tế quốc tế nói riêng; trang bị các nghiệp vụ cơ bản để thực hiện các hoạt động Thương mại quốc tế và Logistics; rèn luyện các kỹ năng mềm để người học để tăng khả năng thích ứng với các vị trí công việc trong tương lai.

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có khả năng vận dụng các kiến thức về thương mại quốc tế và Logistics để tham gia vào quá trình phân tích, hoạch định chính sách và hoạt động quản lý, cũng như vận hành liên quan đến lĩnh vực thương mại quốc tế và Logistics của quốc gia với các nước, khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế.

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có tư cách đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Các cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước đồng thời, có tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao.

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có khả năng chịu được mọi áp lực trong môi trường cạnh tranh cao, đặc biệt trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần chủ động sáng tạo, nhiệt tình, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hợp tác trong thực hiện và tự chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ được giao; có phẩm chất chính trị; tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics khi tốt nghiệp đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học theo công bố chung về chuẩn đầu ra của Học viện Chính sách và Phát triển và có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc khác nhau.

Cử nhân chuyên ngành Thương mại quốc tế và Logistics có khả năng tổ chức bảo đảm dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp logistics, doanh nghiệp phân phối, hãng hàng không, công ty xuất nhập khẩu, công ty vận tải đa phương thức, các doanh nghiệp sản xuất và cơ quan hải quan, cơ quan thuế, cơ quan quản lý nhà nước về thương mại và thương mại quốc tế

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Về kiến thức

a. Kiến thức cơ bản

1. Nắm vững những kiến thức cơ bản, nền tảng về thế giới quan và phương pháp luận khoa học. Hiểu, phân tích, đánh giá và ứng dụng tri thức khoa học của chủ nghĩa mác – Lê Nin vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Hiểu về thể chế Nhà nước, nắm vững kiến thức pháp lý cơ bản, đặc biệt là pháp luật về kinh tế, đầu tư và kinh doanh.

3. Nắm vững phương pháp luận, ứng dụng công cụ toán, thống kê và kinh tế học vào phân tích, giải quyết các vấn đề kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

4. Hiểu về quy trình, tác động của chính sách (đặc biệt chính sách kinh tế), vận dụng vào việc hoạch định, tổ chức thực hiện và đánh giá chính sách.

5. Nắm vững các quy luật của kinh tế thị trường, có tư duy toàn cầu, thích ứng với sự thay đổi, phát triển của kinh tế thế giới.

b. Kiến thức chuyên sâu:

6. Nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về thương mại quốc tế bao gồm các lý thuyết về trao đổi quốc tế về hàng hóa, lý thuyết về lợi thế so sánh, các nguyên tắc, công cụ, các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực thương mại quốc tế. Đánh giá, phân tích được và vận dụng được kiến thức này vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn về lĩnh vực thương mại quốc tế ở cấp độ quốc gia, siêu quốc gia và doanh nghiệp.

7. Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về thương mại quốc tế, thuế trong thương mại quốc tế, hải quan, luật hải quan vào công tác quản lý, chính sách của các cơ quan nhà nước cũng như các giao dịch xuất nhập khẩu, giao nhận của các doanh nghiệp; kiến thức về quản trị kinh doanh logistics để xử lý các công việc trong doanh nghiệp cùng lĩnh vực;

8. Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ chuyên môn logistics; quản lý chuỗi cung ứng trong thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước về chuyên ngành cũng như các giao dịch logistics của các doanh nghiệp vận tải trong nước và quốc tế;

9. Vận dụng các kiến thức về đàm phán trong kinh doanh nội địa và quốc tế và kiến thức nghiệp vụ sâu về xuất nhập khẩu, marketing dịch vụ trong các giao dịch ngoại thương và logistics; tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường của các doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng như trong giao dịch với các cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành thương mại quốc tế và logistics;

10. Vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành về thương mại quốc tế và logistics để có thể xác định hướng nghiên cứu, thu thập xử lý, phân tích số liệu;

11. Nắm bắt được các kiến thức ngành như các xu hướng, biến động của kinh tế, kinh doanh của khu vực, thế giới trong đó vận dụng được các kiến thức cơ bản về đầu

tư quốc tế, thương mại quốc tế, tiền tệ quốc tế để hỗ trợ, bổ sung cho quá trình thực hiện các công việc liên quan đến thương mại quốc tế và logistics

12. Hiểu và có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình phân tích chính sách Thương mại quốc tế và Logistics, kinh tế quốc tế.

13. Có khả năng vận dụng các kiến thức về kinh tế quốc tế để tham gia vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, kinh tế quốc tế.

2.2. Về kỹ năng

a. Kỹ năng nghề nghiệp

14. Khả năng làm việc trong các ngành nghề khác nhau trong lĩnh vực kinh tế quốc tế;

15. Sẵn sàng thích ứng khi thay đổi vị trí công tác hoặc công việc hay môi trường làm việc;

b. Kỹ năng mềm

16. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng thực hành, điều hành... đủ năng lực để trở thành nhà quản lý, lãnh đạo;

17. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả để truyền đạt thông tin và giải quyết vấn đề ở môi trường trong nước và quốc tế;

18. Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học thông dụng; có khả năng phân tích Dữ liệu lớn (Big Data) trong kinh tế và kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

19. Có phẩm chất chính trị; sức khỏe tốt; lối sống lành mạnh; có trách nhiệm xã hội; tuân thủ các quy tắc và đạo đức nghề nghiệp.

20. Chủ động và tự giác thực thi nhiệm vụ được giao phó; tinh thần tự chịu trách nhiệm; trung thực; thái độ hợp tác; sẵn sàng giúp đỡ các thành viên trong tập thể..

19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2																		x	
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2																		x	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			88																			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			36																			
2.1.1. Cơ sở ngành bắt buộc			32																			
1	CSCS11	Chính sách công	3		x		x											x			x	x
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2		x		x										x	x				x
3	QLMS03	Đầu thầu mua sắm 1	3		x		x		x								x					x
4	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3		x		x	x		x	x		x	x	x	x	x	x	x		x	x
5	QHDL07	Địa lý kinh tế	3					x			x				x			x				x
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3			x												x				x
7	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3			x	x	x										x				x
8	TCTT23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3					x										x				x
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3			x											x	x				x
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3			x		x										x			x	x
11	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3						x		x						x	x		x		x
2.1.2. Cơ sở ngành tự chọn			4																			
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3		x					x			x					x	x			x
2	KHCO09	Đầu tư công	3		x					x			x					x	x			x
3	TCKH04	Kế toán tài chính	3			x												x				x
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3			x	x	x											x			x
6	TCCO21	Quản lý tài chính công	3		x	x												x	x			x
7	QTCL01	Quản trị chiến lược	3			x	x						x	x				x	x			x
8	LUKT15	Pháp luật thương mại	3		x								x					x	x			x
9	TCDN24	Tài chính doanh nghiệp	2			x												x	x			x

10	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3		x											x	x				x	
11	TCTH26	Thuế	2		x		x		x	x						x						x
2.2. Kiến thức ngành			13																			
2.2.1. Ngành bắt buộc			9																			
1	KHKT11	Kinh tế phát triển	2					x									x	x			x	x
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3					x									x	x		x	x	x
3	ĐNQT13	Kinh tế quốc tế 1	2				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x			x	x
4	ĐNQT14	Kinh tế quốc tế 2	2				x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x			x	x
2.2.2. Ngành tự chọn			4																			
1	QTMC02	Marketing căn bản	3					x			x						x	x	x			x
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3		x		x			x							x				x	
3	QTHO06	Quản trị học	3	x		x	x										x	x			x	x
4	QTHO18	Quản trị học	2	x		x	x										x	x			x	x
2.3. Kiến thức chuyên ngành			33																			
2.3.1. Chuyên ngành bắt buộc			27																			
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4														x	x	x	x	x	x
2	ĐNĐP06	Đàm phán trong kinh doanh	3			x										x	x	x	x			x
3	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3		x			x	x		x		x				x	x	x			x
4	QTMS01	Marketing dịch vụ	3					x	x		x						x	x	x			x
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2		x				x		x		x				x	x	x			x
6	LUHH04	Pháp luật hàng hải quốc tế và hải quan	3		x			x	x	x			x			x	x	x	x			x
7	QTTM08	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	2					x				x		x	x	x	x	x	x			x
8	QTTM07	Quản trị kho và bao bì	2		x			x				x					x	x	x			x

[illegible]

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:	3,5 - 4 năm
5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:	129 tín chỉ
6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:	Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học hệ chính quy
7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:	Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của Chương trình đào tạo
8. THANG ĐIỂM:	Thang điểm 10 kết hợp với thang điểm 4 và điểm chữ

9. CẤU TRÚC KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

<i>9.1. Kiến thức Giáo dục đại cương:</i>	<i>41 tín chỉ (chiếm 33,83%)</i>
<i>9.2. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:</i>	<i>32 tín chỉ (chiếm 24,06%)</i>
<i>9.3. Kiến thức cơ sở ngành lựa chọn:</i>	<i>04 tín chỉ (chiếm 3,01%)</i>
<i>9.4. Kiến thức ngành bắt buộc:</i>	<i>09 tín chỉ (chiếm 6,77%)</i>
<i>9.5. Kiến thức ngành lựa chọn:</i>	<i>04 tín chỉ (chiếm 3,01%)</i>
<i>9.6. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc:</i>	<i>27 tín chỉ (chiếm 20,30%)</i>
<i>9.7. Kiến thức chuyên ngành lựa chọn:</i>	<i>06 tín chỉ (chiếm 4,51%)</i>
<i>9.8. Kiến thức khóa luận tốt nghiệp:</i>	<i>06 tín chỉ (chiếm 4,51%)</i>

Tổng số tín chỉ:

129 tín chỉ

10. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã số	Tên học phần/ Môn học	Số TC	Học kỳ
1. Giáo dục đại cương			41	
1	THCN06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1
2	THKT05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin	2	2
3	KHMI01	Kinh tế vi mô 1	3	2
4	KHMA02	Kinh tế vĩ mô 1	3	1
5	THLD07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2
6	TOLT07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7	LUDC01	Pháp luật đại cương	3	1
8	PPNC01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2
9	TACB01	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
10	TACB02	Tiếng Anh cơ bản 2	3	4
11	TACB03	Tiếng Anh cơ bản 3	3	1
12	TACB04	Tiếng Anh cơ bản 4	3	1
13	TOĐC06	Tin học đại cương	3	2
14	TOCC05	Toán cao cấp	3	1
15	THML04	Triết học Mác - Lênin	3	2
16	THTT02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
17	GDQP02	Giáo dục quốc phòng	8	2
18	GDTC08	Giáo dục thể chất 1	2	1
19	GDTC06	Giáo dục thể chất 2	2	2
20	GDTC07	Giáo dục thể chất 3	2	3
2. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Cơ sở ngành			32	
1	CSCS11	Chính sách công	3	5
2	QLCD01	Chuyên đề thực tế	2	4
3	QLMS03	Đầu thầu mua sắm 1	3	4
4	ĐNQT15	Đầu tư quốc tế	3	6
5	QHDL07	Địa lý Kinh tế	3	3
6	TOKT05	Kinh tế lượng	3	4
7	KHMA04	Kinh tế vĩ mô 2	3	2
8	TCTT23	Lý thuyết Tài chính tiền tệ	3	3
9	TCKT01	Nguyên lý kế toán	3	3
10	TONL08	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	5
11	NNKD05	Tiếng Anh trong kinh doanh	3	5
3. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Cơ sở ngành			4	
1	QLPP05	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP	3	6
2	KHCO09	Đầu tư công	3	5
3	TCKH04	Kế toán tài chính	3	4
4	KHMI03	Kinh tế vi mô 2	3	3
5	TCCO21	Quản lý tài chính công	3	5
6	QTCL01	Quản trị chiến lược	3	5
7	LUKT02	Pháp luật kinh tế	3	2
8	TCDN03	Tài chính doanh nghiệp	3	4

9	TCTĐ17	Thẩm định dự án đầu tư	3	6
10	TCTH11	Thuế	3	7
4. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) – Ngành			9	
1	KHKT11	Kinh tế phát triển	2	5
2	KHPD13	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô	3	5
3	ĐNQT13	Kinh tế quốc tế 1	2	5
4	ĐNQT14	Kinh tế quốc tế 2	2	6
5. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) – Ngành			4	
1	QTMC02	Marketing căn bản	3	3
2	KHĐT05	Kinh tế đầu tư	3	4
3	QTHO06	Quản trị học	3	4
4	QTHO18	Quản trị học	2	3
6. Giáo dục chuyên nghiệp (Bắt buộc) - Chuyên ngành			27	
1	TTTN01	Thực tập tốt nghiệp	4	8
2	ĐNDP06	Đàm phán trong kinh doanh	3	7
3	QTTM06	Logistics trong doanh nghiệp	3	7
4	QTMS01	Marketing dịch vụ	3	6
5	ĐNNV03	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2	6
6	LUHH04	Pháp luật hàng hải quốc tế và hải quan	3	7
7	QTTM08	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	2	7
8	QTTM07	Quản trị kho và bao bì	2	7
9	ĐNTM08	Thương mại quốc tế	3	7
10	QTTM04	Thuế trong thương mại quốc tế	2	7
7. Giáo dục chuyên nghiệp (Lựa chọn) - Chuyên ngành			6	
1	ĐNQT11	Kinh doanh quốc tế	3	6
2	QTTM09	Chính sách logistics	2	3
3	QTTT11	Nghiên cứu thị trường	3	5
4	QTCU04	Quản trị chuỗi cung ứng	3	6
5	ĐNTT16	Thư tín thương mại	2	7
6	QTKD14	Thương mại điện tử	3	6
8. Giáo dục chuyên nghiệp			6	
1	KLTN	Khóa luận tốt nghiệp	6	8
TỔNG			129	
(Không bao gồm GDTC & GDQP)				